

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 09/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 21/09/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	27207138453	Lê Nguyễn Trang	Anh	06/03/2003	Quảng Nam	31TYC10	6.0	6.3	Đạt	
2	28213100970	Hồ Ngọc	Đại	11/05/2004	Thừa Thiên H	31TBN10	8.3	7.5	Đạt	
3	28212302902	Nguyễn Lý Hữu	Đang	28/02/2004	Quảng Ngãi	31TBN10	5.3	5.8	Đạt	
4	28212502222	Lê Quốc	Đạt	11/04/2004	Quảng Ngãi	31TYC10	3.7	3.3	Không Đạt	
5	29204621540	Võ Thị	Diễm	18/07/2005	Quảng Nam	31TYC10	9.7	7.0	Đạt	
6	29204965650	Hoàng Thị Ngọc	Diệp	20/08/2005	Quảng Bình	31TBN8	6.0	5.0	Đạt	
7	27202942225	Trương Đoàn Khánh	Đoan	13/07/2003	Đà Nẵng	31SYC1	V	V	Không Đạt	
8	25215210013	Doãn Ngọc	Dương	13/03/2001	Gia Lai	31TYC10	5.7	8.0	Đạt	
9	28218125221	Trần Lê Khánh	Duy	09/08/2004	Đà Nẵng	31TBN10	6.7	5.5	Đạt	
10	30206554115	Hoàng Thị Mỹ	Duyên	18/01/2006	Quảng Trị	31TYC9	8.3	5.0	Đạt	
11	28208002019	Huỳnh Đặng Kỳ	Duyên	08/10/2003	Hậu Giang	31TYC9	9.0	6.5	Đạt	
12	28204603724	Nguyễn Mỹ	Duyên	29/03/2004	Thừa Thiên H	31TYC10	5.0	2.8	Không Đạt	
13	28206900642	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	16/01/2004	Bình Định	31TYC9	9.0	9.5	Đạt	
14	28207149493	Phạm Thị Mỹ	Duyên	13/04/2004	Gia Lai	31THT7	8.0	5.0	Đạt	
15	26205333752	Cao Văn	Hà	19/11/2002	Nghệ An	31TYC9	9.7	6.0	Đạt	
16	28208003815	Đinh Ngọc Gia	Hân	04/11/2004	Đà Nẵng	31TBN10	6.7	8.8	Đạt	
17	28208039257	Phan Thị	Hằng	13/11/2004	Quảng Nam	31TBN10	10.0	7.0	Đạt	
18	27204244089	Huỳnh Thị Thu	Hiền	28/06/2003	An Giang	31TYC9	9.0	10.0	Đạt	
19	28208036232	Lê Song Diệu	Hiền	04/10/2004	Đà Nẵng	31TBN10	8.7	7.0	Đạt	
20	28204628324	Nguyễn Thanh Ngọc	Hiếu	12/10/2004	Đà Nẵng	31TYC10	V	V	Không Đạt	
21	27211321762	Trần Văn	Hiếu	30/10/2003	Đà Nẵng	31TYC10	5.0	5.5	Đạt	
22	28204401029	Võ Thị	Hiếu	07/09/2004	Kon Tum	31TYC9	6.0	6.0	Đạt	
23	26215342060	Lê Trần Minh	Hoàng	10/03/2002	Kon Tum	31TYC9	9.7	9.5	Đạt	
24	28212637493	Nguyễn Khánh	Hoàng	24/06/2004	Đà Nẵng	31TYC10	8.0	8.0	Đạt	
25	28206105643	Đỗ Quỳnh	Hương	20/02/2004	Quảng Trị	31CHT5	5.7	6.3	Đạt	
26	28212504308	Phù Thanh	Huy	04/06/2004	Quảng Ngãi	31TYC10	6.7	6.3	Đạt	
27	26205339282	Lê Thị Thanh	Huyền	14/07/2001	Bình Phước	31TYC10	8.0	7.5	Đạt	
28	29205241164	Phan Mạnh Kim	Huyền	18/11/2005	Kon Tum	31TYC10	5.0	3.8	Không Đạt	
29	28204502696	Võ Thị Lệ	Huyền	11/10/2004	Quảng Ngãi	31TBN10	8.7	3.5	Không Đạt	
30	29204952140	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	04/10/2005	Hà Tĩnh	31TBN8	5.3	5.0	Đạt	
31	27215252673	Phạm Phúc	Lâm	08/11/2003	Bình Định	31TYC9	9.3	8.0	Đạt	
32	28206204952	Trần Thùy	Linh	19/10/2004	Đà Nẵng	31TBN10	9.3	7.3	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	29204655123	Lê Nguyễn Hồng	Loan	02/11/2005	Quảng Ngãi	31TYC10	8.7	7.8	Đạt	
34	28214332370	Văn Bá Bảo	Lộc	16/01/2004	Đà Nẵng	31TYC9	4.3	3.8	Không Đạt	
35	29214327395	Hồ Chánh	Luật	14/05/2005	Quảng Nam	31TYC10	10.0	7.0	Đạt	
36	28216204311	Đặng Thị Thảo	Ly	08/02/2004	Quảng Nam	31TBN10	5.7	6.0	Đạt	
37	28208004374	Trần Thị Tuyết	Mai	10/01/2004	Quảng Nam	31TBN10	9.0	7.3	Đạt	
38	26205339303	Trần Tuyết	Mai	05/09/2001	Bình Phước	31TYC9	8.7	7.8	Đạt	
39	28214504035	Lê Đắc Bảo	Minh	14/12/2004	Quảng Bình	31TYC10	5.3	2.5	Không Đạt	
40	28218005110	Bùi Văn Sơn	Miêu	26/07/2004	Đắk Lắk	31TYC10	4.7	6.0	Không Đạt	
41	27215202879	Nguyễn Kiều	My	18/03/2003	Hà Nội	31TYC9	6.0	6.5	Đạt	
42	28208004207	Phạm Huyền	Na	26/10/2003	Đắk Lắk	31TYC9	10.0	9.5	Đạt	
43	28208002271	Phan Thiên	Nga	15/06/2004	Quảng Nam	31TYC10	4.7	3.8	Không Đạt	
44	28204400089	Bùi Thị Thảo	Ngân	28/04/2004	Gia Lai	31TYC9	9.3	9.8	Đạt	
45	28208047929	Mai Thị Thảo	Ngân	14/10/2004	Bình Định	31TBN10	9.3	8.3	Đạt	
46	26215342454	Phạm Đình Hữu	Nghĩa	31/10/2002	Lâm Đồng	31TYC9	9.3	9.5	Đạt	
47	28204653373	Phan Bích	Ngọc	02/09/2004	Hà Tĩnh	31TYC9	7.3	9.0	Đạt	
48	28202701172	Lê Thị Yến	Nhi	24/06/2004	Gia Lai	31TBN10	9.0	7.3	Đạt	
49	28204804855	Lê Thị Yến	Nhi	03/03/2004	Quảng Nam	31THT9	5.0	5.8	Đạt	
50	28208204435	Lê Yên	Nhi	16/09/2004	Gia Lai	31TYC9	9.3	7.5	Đạt	
51	28204304168	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	07/02/2004	Bình Định	31SHT5	7.0	6.8	Đạt	
52	28207130764	Nguyễn Thị Yến	Nhi	28/08/2004	Nghệ An	31TBN10	5.0	3.8	Không Đạt	
53	29206544657	Nguyễn Thị Yến	Nhi	07/09/2005	Quảng Ngãi	31TYC9	8.7	6.3	Đạt	
54	29207150572	Phan Quỳnh	Như	15/07/2005	Gia Lai	31TBN10	5.3	3.0	Không Đạt	
55	28211337136	Nguyễn Tấn	Phát	29/06/2004	Bình Định	31TBN10	8.7	9.5	Đạt	
56	28213243451	Trần Hữu Thanh	Phong	03/02/2004	Quảng Nam	31TYC9	7.0	7.3	Đạt	
57	28212740003	Hồ Duy	Phú	24/06/2004	Đà Nẵng	31TYC9	4.0	8.0	Không Đạt	
58	28212742360	Trương Trọng	Phú	27/02/2004	Gia Lai	31TBN10	3.7	3.3	Không Đạt	
59	27211328037	Nguyễn Bá	Phúc	01/12/2003	Đà Nẵng	31TYC10	5.7	7.3	Đạt	
60	28218251544	Phan Nguyễn Hoàng	Phúc	14/07/2004	Quảng Nam	31TYC9	8.0	5.8	Đạt	
61	28218102264	Trần Trọng	Phúc	14/05/2004	Đắk Lắk	31TBN10	5.7	7.0	Đạt	
62	29204953428	Lê Thị Thúy	Phượng	02/11/2005	Quảng Ngãi	31TYC10	9.0	9.0	Đạt	
63	28212701395	Phan Văn	Quân	22/05/2004	Đà Nẵng	31TBN10	9.0	5.5	Đạt	
64	28212504613	Trần Minh	Quân	30/04/2004	Đà Nẵng	31TYC10	6.0	9.0	Đạt	
65	28214634799	Võ Xuân	Quang	10/02/2004	Bình Định	31TBN10	8.0	6.3	Đạt	
66	28218254388	Nguyễn	Sáng	16/02/2004	Đà Nẵng	31TYC9	4.3	6.5	Không Đạt	
67	28212451416	Đỗ Văn	Tài	03/01/2004	Quảng Bình	31TBN10	6.3	5.8	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	28209238485	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	06/01/2004	Quảng Nam	31TYC10	9.0	9.5	Đạt	
69	28206502758	Trần Đặng Thị Khánh Tâm	25/12/2004	Quảng Nam	31TYC9	8.0	7.5	Đạt	
70	28214741629	Trần Thiện Tâm	20/09/2004	Quảng Nam	31THT4	6.7	5.0	Đạt	
71	27203730787	Đoàn Thị Thanh	29/10/2003	Quảng Bình	31TYC10	4.0	0.8	Không Đạt	
72	28207100317	Nguyễn Phú Thanh	04/02/2004	Kon Tum	31TBN10	7.7	5.3	Đạt	
73	29206558626	Nguyễn Thị Phương Thanh	21/05/2005	Hà Tĩnh	31TYC9	3.7	1.3	Không Đạt	
74	29208163237	Phan Thị Thanh Thanh	16/12/2005	Quảng Nam	31TYC10	V	V	Không Đạt	
75	28212704157	Triệu Minh Thành	06/05/2004	Gia Lai	31TYC9	8.3	8.5	Đạt	
76	26205339335	Nguyễn Thị Thanh Thảo	18/10/2001	Quảng Nam	31TYC9	5.0	5.8	Đạt	
77	28208154549	Võ Thị Phương Thảo	27/10/2004	Quảng Nam	31TYC9	7.3	7.8	Đạt	
78	26205341898	Nguyễn Ý Thơ	03/10/2002	Khánh Hòa	31TYC9	10.0	7.8	Đạt	
79	28204550611	Nguyễn Đoàn Oanh Thư	02/09/2002	Đà Nẵng	31THT9	V	5.0	Không Đạt	
80	27202141055	Nguyễn Thị Anh Thư	25/08/2003	Đà Nẵng	31TYC10	4.0	5.0	Không Đạt	
81	28212346171	Nguyễn Văn Thương	26/03/2004	Quảng Ngãi	31TBN10	9.7	8.8	Đạt	
82	28212539645	Nguyễn Văn Toàn	28/12/2003	Gia Lai	31TYC10	3.3	5.0	Không Đạt	
83	28206702059	Ngô Thị Diệu Trâm	13/04/2004	Quảng Trị	31TYC9	7.3	6.5	Đạt	
84	28218050646	Nguyễn Thị Bảo Trâm	21/01/2004	Bình Định	31TBN10	9.0	6.8	Đạt	
85	29208145757	Trần Thị Thùy Trâm	04/12/2005	Quảng Nam	31TYC10	6.7	6.3	Đạt	
86	28208202034	Lê Nguyên Bảo Trân	10/04/2004	Đà Nẵng	31TYC9	8.7	7.8	Đạt	
87	28202700159	Lê Viết Huyền Trân	06/02/2004	Đà Nẵng	31TBN10	10.0	8.5	Đạt	
88	29207160440	Đồng Huyền Trang	08/06/2005	Bình Định	31TBN10	6.0	4.0	Không Đạt	
89	28206222896	Huỳnh Thị Việt Trinh	01/10/2004	Đà Nẵng	31TYC9	9.3	9.5	Đạt	
90	28212448348	Nguyễn Chí Trung	08/11/2004	Quảng Ngãi	31TBN10	8.3	8.0	Đạt	
91	30218263572	Diệp Thanh Tú	04/12/2002	Đà Nẵng	31TBN10	5.3	3.8	Không Đạt	
92	28206503269	Hoàng Thị Cẩm Tú	30/06/2004	Đắk Lắk	31TYC10	5.7	5.3	Đạt	
93	28213506275	Nguyễn Anh Tú	13/01/2004	Nghệ An	31TYC10	H	H	Không Đạt	
94	28218304750	Nguyễn Thành Tuấn	25/09/2004	Bình Định	31TBN10	5.3	8.0	Đạt	
95	28206236563	Nguyễn Thị Minh Tuyền	16/06/2004	Đà Nẵng	31TBN10	9.0	6.3	Đạt	
96	28208102867	Ngô Thị Tú Uyên	28/05/2004	Đắk Lắk	31TBN10	9.3	9.3	Đạt	
97	28202705930	Nguyễn Ngọc Tố Uyên	22/03/2004	Đắk Lắk	31TYC9	V	V	Không Đạt	
98	29214627184	Đoàn Lê Bình Việt	15/03/2005	Quảng Nam	31TYC10	9.3	7.5	Đạt	
99	28218000754	Võ Quốc Việt	10/02/2004	Quảng Nam	31TBN10	4.0	3.8	Không Đạt	
100	28212449457	Hoàng Đình Vinh	07/06/2004	Đà Nẵng	31TBN10	7.3	5.0	Đạt	
101	28212552639	Nguyễn Bảo Vinh	31/08/2004	Quảng Nam	31TYC10	3.3	7.5	Không Đạt	
102	28212703522	Nguyễn Xuân Vinh	19/02/2004	Đắk Lắk	31TBN10	5.0	6.8	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
103	28212135697	Hoàng Dương	Vũ	15/01/2004	Thừa Thiên H	31TYC10	9.3	6.0	Đạt	
104	28212306046	Huỳnh Anh	Vũ	16/07/2004	Phú Yên	31TYC10	9.3	7.5	Đạt	
105	28212705795	Nguyễn Long	Vũ	29/06/2004	Quảng Ngãi	31TYC9	6.0	7.3	Đạt	
106	27211344426	Đỗ Văn	Vỹ	05/02/2003	Quảng Nam	31TSC4	V	V	Không Đạt	
107	28208122880	Hồ Thị Thanh	Xuân	25/12/2004	Quảng Nam	31TYC9	8.0	6.5	Đạt	
108	28208251532	Bùi Hải	Yến	18/05/2004	Gia Lai	31TYC9	9.3	7.3	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh